TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12-5-2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du
Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc "L*y hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1976; có mặt
Địa chỉ: Số 96 B, phường Khuê T, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng

Bị đơn: Ông Lê Thái S, sinh năm 1970; vắng mặt
Địa chỉ: Số 96 B, phường Khuê T, quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2025, biên bản hòa giải, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ xác định, bà và ông Lê Thái S kết hôn với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Th, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng (nay là phường Hòa Thọ Đ, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết vợ chồng chung sống tại phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhưng trầm trọng nhất là từ ngày 07/01/2025 đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông Lê Thái S thường xuyên la mắng và đánh đập bà; ông Đ sống không có trách nhiệm, không quan tâm vợ con, sự việc kéo dài từ lâu và hai người đã sống ly thân hơn 04 (bốn) năm nay. Gia đình hai bên, chính quyền địa phương

và tổ dân phố đều biết, có vào can thiệp hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không có kết quả tốt. Vì các con bà đã cố sống cam chịu để nuôi con khôn lớn nhưng nay bà không thể tiếp tục sống chung với ông Đ được nữa, bà Đ xác định không còn tình cảm thương yêu ông Đ nên xin Tòa án cho bà được ly hôn với với ông Lê Thái S.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ xác định, bà với ông Đ có 02 người con chung tên là Lê Minh Hiền T, sinh năm 2003 và Lê Bảo Hoàng N, sinh ngày 10/9/2009. Ly hôn, bà Nguyễn Thị Hồng Đ xin nuôi con Lê Bảo Hoàng N đến khi đủ 18 tuổi. Đối với con Lê Minh Hiền T đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đ yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con Lê Bảo Hoàng N mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi con Lê Bảo Hoàng N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ xác định, bà với ông Đ có tài sản chung là nhà chung nhưng xây dựng trên đất chưa có giấy tờ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ xác định, bà với ông Đ không có nợ chung.

Bị đơn ông Lê Thái S đã được Tòa án tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án đã có bản khai và trình bày tại biên bản hòa giải như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ thống nhất với phần trình bày của bà Đ về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống giữa vợ cũng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng hay cãi vã, không có tiếng nói chung, hai người không nói chuyện, ngủ chung với nhau được một thời gian. Nay bà Đ xin ly hôn, ông xin đoàn tụ, nhưng Tòa án hòa giải nhiều lần mà bà Đ vẫn cương quyết ly hôn, thì ông Đ đồng ý ly hôn với bà Đ.

Về quan hệ con chung: Ông Lê Thái S xác định, giữa ông và bà Đ có 02 người con chung tên Lê Minh Hiền T, sinh năm 2003 và Lê Bảo Hoàng N, sinh ngày 10/9/2009. Ly hôn, ông Đ xin nuôi con Lê Bảo Hoàng N đến khi đủ 18 tuổi. Đối với con Lê Minh Hiền T đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Đ xác định, ông và bà Đ có tài sản chung là nhà xây dựng trên đất chưa có giấy tờ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đ xác định, ông với bà Đ không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn đã vắng mặt lần thứ hai, hồ sơ đã có ý kiến trình bày nên quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã được bảo đảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Đ về việc xin ly hôn đối với ông Lê Thái S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ được ly hôn đối với ông Lê Thái S.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung là cháu Lê Bảo Hoàng N, sinh ngày 10/9/2009 cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Đối với con chung là cháu Lê Minh Hiền T, sinh năm 2003 đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Lê Thái S cấp dưỡng nuôi con Lê Bảo Hoàng N mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Đ và ông Đ xác định, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Đ và ông Đ xác định, không có nên không xem xét.

5. Án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với bị đơn ông Lê Thái S. Ông Đ trú tại: Số 96 Bình Hòa 15, tổ 33, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà Đ là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Thái S đã được Tòa án tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn ông Lê Thái S.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ xin được ly hôn với ông Lê Thái S.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ với ông Lê Thái S xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hòa Thọ, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (nay là UBND phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng) vào năm 2002, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau kết hôn, lúc đầu vợ chồng bà Đ và ông Đ sống hạnh phúc, thể hiện hai người sinh được hai người con chung. Tuy nhiên, quá trình chung sống sau này giữa bà Đ, ông Đ nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, ông Đ sống không có trách nhiệm với bà Đ, đồng thời có hành vi đánh đập và đuổi bà Đ ra khỏi nhà. Sự việc kéo dài từ lâu và hai người đã sống ly thân hơn 04 (bốn) năm nay. Gia đình hai bên, chính quyền địa phương và tổ dân phố đều biết vào can ngăn, hòa giải nhưng mâu thuẫn của vợ chồng bà Đ, ông Đ vẫn không có kết quả tốt. Đối với hành vi ông Đ đánh đập bà Đ, bà Đ không có yêu cầu hay ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nay bà Đ xác định không còn tình cảm thương yêu ông Đ.

Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân của bà Đ và ông Đ, thì thấy: Ông Đ có hành vi đánh đập, la mặng bà Đ nhiều lần, chính quyền địa phương đã vào can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả, sự việc kéo dài đã từ lâu. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà Đ và ông Đ đã trở nên trầm trọng, xét mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng Đ đối với ông Lê Thái S là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Đ và ông Đ xác định, ông bà có 02 (hai) con chung là cháu Lê Minh Hiền T, sinh năm 2003 và Lê Bảo Hoàng N, sinh ngày 10/9/2009. Ly hôn, cả bà Đ và ông Đ xác định cháu T đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu N bà Đ và ông Đ đều dành quyền nuôi con.

Xét nguyện vọng của bà Đ và ông Đ thì thấy:

Đối với cháu T đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu N, cả bà Đ và ông Đ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung, cũng như có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, xét thấy cháu N là con gái đang tuổi trưởng thành (16 tuổi), cần sự chăm sóc, gần gủi và chia sẽ của người mẹ; bà Đ xin được nuôi cháu N và cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ. Trông quá trình chung sống ông Đ có hành vi đánh đạp bà Đ. Do đó, để bảo đảm sự phát triển toàn diện của con, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu N cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp hơn, nên ý kiến của ông Đ xin được trực tiếp nuôi cháu N không được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà Đ yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con Lê Bảo Hoàng N mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, ông Đ làm nghề lái xe tải đường dài, có thu nhập ổn định, vì sự phát triển về mọi mặt của con khi ba mẹ ly hôn, căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì mức bà Đ yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Đ và ông Đ xác định, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Đ và ông Đ xác định, ông bà không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Đ đối với ông Lê Thái S về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ được ly hôn đối với ông Lê Thái S.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu Lê Bảo Hoàng N, sinh ngày 10/9/2009 cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Lê Thái S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Lê Bảo Hoàng N, sinh ngày 10/9/2009 mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Đ đã nộp tại biên lai thu số 0009533 ngày 11/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Lê Thái S phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

6. Về kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 12/5/2025.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Hòa Thọ, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (nay là UBND phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng) số 61/2002;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh